

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI**  
**KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021**  
**Khoa: NHIỆT - LẠNH**

| TT                 | Tên học phần                                          | Mã học phần | Hình thức thi | Thời gian thi | Sử dụng tài liệu |            | Loại môn học |
|--------------------|-------------------------------------------------------|-------------|---------------|---------------|------------------|------------|--------------|
|                    |                                                       |             |               |               | Được             | Không được |              |
| 2019 CAO ĐẲNG (C1) |                                                       |             |               |               |                  |            |              |
| 1                  | Bơm - Quạt - Máy nén (LĐL)                            | 0211001425  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 2                  | Chuyên đề máy lạnh (CNL, KML, LĐL)                    | 0211001435  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 3                  | Điều hòa không khí ô tô (CNL, KML, LĐL, VSL)          | 0211001429  | Thực hành     |               |                  |            |              |
| 4                  | Kỹ thuật sấy (CNL)                                    | 0211000090  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 5                  | Lò hơi (CNL)                                          | 0211000898  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 6                  | Nhà máy nhiệt điện (CNL)                              | 0211002415  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 7                  | Thiết kế kho lạnh (VSL)                               | 0211000857  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 8                  | Thiết kế sơ bộ hệ thống điều hòa không khí (KML, VSL) | 0211002296  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 9                  | Thông gió và xử lý khí thải (LĐL, KML)                | 0211002417  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 10                 | Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh (VSL)        | 0211002412  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 11                 | Tự động hóa hệ thống lạnh (LĐL, KML)                  | 0211001440  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 12                 | Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh (VSL)               | 0211000893  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 2020 CAO ĐẲNG (C1) |                                                       |             |               |               |                  |            |              |
| 1                  | Cơ sở kỹ thuật Điện-Điện tử (KML, CNL, VSL,LĐL)       | 0211002217  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 2                  | Cơ sở kỹ thuật lạnh (CNL, KML,LĐL,VSL)                | 0211001346  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 3                  | Trang bị điện hệ thống lạnh (CNL, KML, LĐL, VSL)      | 0211001347  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 4                  | Truyền nhiệt (CNL, LĐL, KML, VSL)                     | 0211000211  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |

